

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2017/HSST
Ngày 27/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng
Các Hội thẩm:

Bà Nguyễn Thị Quý- Nguyên giáo viên trường Trung học cơ sở Linh Trung, quận T, Thành phố H
Ông Nguyễn Thành Vinh- Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 206/2017/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Từ Đại L, Giới tính: Nam, Sinh ngày 19/11/2000 Tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 41/9/1, đường số 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận T, Thành phố H; Chỗ ở: 41/9/1, đường số 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận T, Thành phố H; trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: không; con ông Từ Đại P và bà Nguyễn Thị Tuyết M; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/06/2016, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 19/01/2017; Tạm giam từ ngày 03/4/2017- có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: ông Từ Đại P và bà Nguyễn Thị Tuyết M (cha mẹ bị cáo), địa chỉ: 41/9/1, đường số 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận T, Thành phố H- có mặt.

Người bào chữa: ông Võ Đan Mạch là luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Từ Đại L- có mặt.

Người bị hại: ông Trịnh Văn H, sinh năm 1984
Địa chỉ: 34 hẻm 44 đường Tam Bình, phường Tam Phú, quận T, Thành phố H –vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 03/04/2017, Từ Đại L điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Hayate, biển số: 54U1-9242 chở bạn gái Trần Thị Phương Trinh đi chơi về ngang tiệm tạp hóa số 34 đường Tam Bình, khu phố 2, phường Tam Phú, Quận T, Thành phố H thì phát hiện anh Trịnh Văn H đang đứng cầm điện thoại di động hiệu Samsung SM-G530H màu đen xám để nạp Card tiền điện thoại. Lễ nảy sinh ý định cướp giật điện thoại di động của anh Hùng bán lấy tiền tiêu xài nên Lễ quay xe mô tô lại áp sát bên trái anh Hùng và dùng tay phải giật điện thoại di động trên tay anh Hùng rồi rồ ra bỏ chạy, anh Hùng tri hô “Cướp, cướp” và chạy bộ đuổi theo khoảng 20m thì nắm được đuôi xe mô tô hiệu Suzuki Hayate, biển số: 54U1-9242 kéo lại làm Lễ, Trinh và xe ngã xuống đường. Lúc này, được sự hỗ trợ của quần chúng nhân dân, anh Hùng đã bắt được Lễ cùng vật chứng, còn Trinh dựng xe lên nổ máy chạy thoát.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức, Từ Đại L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên (bút lục 97-100).

Đối với Trần Thị Phương Trinh: Quá trình điều tra xác định, Trinh không tham gia cướp giật tài sản cùng với Lễ, Lễ không rủ rê, bàn bạc trước với Trinh khi thực hiện hành vi Cướp giật tài sản. Khi Lễ bị bắt, Trinh sợ bị quần chúng nhân dân đánh, nên Trinh lấy xe bỏ chạy.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 231/UBND-TCKH ngày 12/04/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung SM-G503H, trị giá 600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 222/CT-VKS ngày 18/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Từ Đại L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi trình bày bản luận tội vị đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự. sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Từ Đại L 02 năm -03 năm tù.

Bị cáo Từ Đại L đã khai nhận toàn bộ hành vi như bản cáo trạng đã truy tố.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo xác định việc truy tố bị cáo về tội cướp giật tài sản là đúng. Xin hội đồng₂ xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh và điều khoản do Viện kiểm sát đã truy tố; bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản phạm tội đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, phía bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, gia đình bị cáo có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang ngày 30/3/2017, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bị cáo Từ Đại L điều khiển xe mô tô biển số 54U1-9242, đã thực hiện hành vi giật lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung SM-G503H, trị giá 600.000 đồng của anh Trịnh Văn H rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi này của bị cáo Từ Đại L đã phạm vào tội cướp giật tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhận quận T, Thành phố H truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh kết án năm 2016 về tội cướp giật tài sản nhưng không bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội.

Bị cáo Từ Đại L khi phạm tội bị cáo (mới hơn 16 tuổi) là người chưa thành niên phạm tội, khả năng nhận thức tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội có phần hạn chế. Do đó cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự và cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để xét xử đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên xét tại phiên tòa, bị cáo Từ Đại L đã thành khẩn khai báo, tài sản phạm tội đã thu hồi được và trả lại cho người bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Vì vậy cần áp dụng Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt như lời trình bày bào chữa của luật sư là có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận được tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Samsung SM-G503H và 01 xe mô tô hiệu Suzuki Hayate biển số: 54U1-9242. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Xét cần buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Từ Đại L phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điều 69; Khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Từ Đại L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2017

Áp dụng Khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc các bị cáo Từ Đại L phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Công an quận Thủ Đức;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng